| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN TÂY HỒ**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 40/2025/HS-ST
Ngày: 03/4/2025

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂY HỒ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Giang

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Trần Xuân Thưởng

Ông Nguyễn Chu Thực

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Mạc An Chi - Thư ký Toà án nhân dân quận Tây Hồ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ tham gia phiên tòa:*** Bà Đàm Thị Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2025/TLST - HS ngày 03 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2025 đối với:

**1. Họ và tên bị cáo: Nguyễn Phong T**, sinh năm 1971, tại H; là Đảng viên; ĐKTT và nơi cư trú: Thôn DT, xã TD, huyện S, thành phố H; nghề nghiệp: chuyên viên chính Văn phòng Bộ thông tin và truyền thông; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị C; vợ Hoàng Thị T1; có 02 con: con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: theo danh chỉ bản số 374 do Công an quận TH lập ngày 25/9/2024, Lý lịch địa phương cung cấp và Trích lục tiền án, tiền sự của Phòng hồ sơ nghiệp vụ - Công an thành phố Hà Nội thể hiện bị cáo không có tiền án, tiền sự; Nhân thân không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo không bị tạm giữ, không bị tạm giam. Bị cáo hiện đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt)

***- Người bào chữa cho bị cáo:***

+**Luật sư Nguyễn Quang T2** - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư A - Đoàn luật sư thành phố H (có mặt).

- **Luật sư Nguyễn Đức C1** - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư A - Đoàn luật sư thành phố H (có mặt).

***2.Bị hại:*** **Chị Dương Thị H1**, Sinh năm 1991; Trú tại: thôn T3, xã TX, huyện S, thành phố H (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Qua mối quan công tác, Nguyễn Phong T quen biết ông Nguyễn Văn H2 (sinh năm 1976; ĐKTT: Thôn TT, xã M, huyện S, thành phố H). Cuối tháng 03/2014, T trao đổi với ông H2 có 01 suất vào làm ở Tập đoàn Viettel - Chi nhánh S. Tại thời điểm này, ông H2 có cháu là chị Dương Thị H1 học xong công nghệ thông tin nhưng chưa có việc làm, nên ông H2 báo cho ông Dương Văn D (là bố đẻ của chị H1) biết. Ông D đồng ý và nhất trí nhờ ông H2 xin việc cho chị H1. Ông H2 đã nhờ T xin việc cho chị H1. T yêu cầu chi phí xin việc là 90.000.000 đồng và bảo ông H2 muốn gặp trực tiếp chị H1.

Khoảng 12 giờ ngày 18/8/2014, T đi cùng với 02 người bạn đến nhà ông H2 và giới thiệu là Trần Phi L (sinh năm 1973; ĐKTT: đường VH, phường Q, quận ĐĐ, H, công tác tại Trung tâm Công nghệ thông tin Thành ủy H và ông Chu Ngọc T4 (sinh năm 1972; ĐKTT: phố TCS, phường N, quận TH, thành phố H, công tác tại phòng Kinh tế quận TH), ông H2 gọi chị H1 đến nhà cho T xem mặt và T đồng ý nhận xin cho chị H1 vào làm việc tại Tập đoàn Viettel - Chi nhánh S, đồng thời yêu cầu đưa trước số tiền 50.000.000 đồng, nhưng do gia đình chưa chuẩn bị kịp nên hẹn ngày hôm sau.

Ngày 19/8/2014, chị H1 và ông H2 đến gặp T tại quán Café (địa chỉ: phố TCS, phường N, quận TH, thành phố H). Tại đây, chị H1 đưa cho ông H2 số tiền 50.000.000 đồng và chứng kiến ông H2 giao cho T toàn bộ số tiền trên, việc giao tiền không có văn bản.

Ngày 22/8/2014, T gọi điện thoại, nhắn tin yêu cầu ông H2 chuyển số tiền 40.000.000 đồng còn lại cho T vào tài khoản số X, mở tại Ngân hàng X và khẳng định sau một tuần sẽ được đi làm, nhưng gia đình chị H1 không chuyển tiền qua tài khoản.

Ngày 06/9/2014, T hẹn chị H1 và ông H2 đến gặp tại quán Café Green Star (đường G, phường J, quận N, thành phố H) để đưa chị H1 đến nộp hồ sơ

cho Giám đốc Viettel - Chi nhánh J. Khi chị H1 đến nơi, T bảo Giám đốc đi vắng và để đơn ở phòng bảo vệ. Sau đó chị H1 quay về quán Café Green Star. Tại đây, chị H1 đưa cho ông H2 số tiền 40.000.000 đồng và chứng kiến ông H2 giao cho T toàn bộ số tiền trên. Việc giao tiền không lập biên bản. Sau đó, T không xin được việc làm cho chị H1 như cam kết. T tiếp tục hứa hẹn nhờ ông L xin cho chị H1 vào làm việc tại Văn phòng huyện ủy S nhưng vẫn không thực hiện được. Sau đó, gia đình chị H1 không liên lạc được với Nguyễn Phong T. Ngày 01/11/2016, chị Dương Thị H1 đã gửi đơn tố cáo Nguyễn Phong T đến Cơ quan điều tra Công an quận TH.

Vật chứng thu giữ gồm:

-01 Bản sao giấy nộp tiền mặt ngày 22/8/2014, số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), người nhận Lê Huy T5, tài khoản số Z mở tại Ngân hàng Z (Z);

- Số tiền 90.000.000 đồng.

Nguyễn Phong T khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên. Ngoài ra, T khai bản tH2 T không có vai trò, chức năng, nhiệm vụ gì tại Tập đoàn Viettel, Trung tâm thông tin Thành ủy và Huyện ủy S. Việc T nhận xin việc cho chị Dương Thị H1 là do có quen biết anh Lê Huy T5 (sinh năm 1977; ĐKTT: phường P, quận ĐĐ, H, làm ở Tập đoàn Viettel). Ông T5 giới thiệu với T là xin được 01 suất làm việc ở Tập đoàn Viettel - Chi nhánh S với chi phí là 90.000.000 đồng, nên  bảo với ông H2 nhưng không nói với ông H2 việc nhờ qua ông T5. Thu đã nhận của ông H2 số tiền 90.000.000 đồng. Ngày 22/8/2014, T đã chuyển cho ông T5 số tiền 10.000.000 đồng bằng hình thức chuyển tiền mặt vào tài khoản số Z mang tên Lê Huy T5, mở tại Ngân hàng Z. Theo hướng dẫn của ông T5, T đã dẫn chị H1 đi nộp hồ sơ tại Tập đoàn Viettel - Chi nhánh M. Sau đó, ông T5 không xin được việc làm ở Tập đoàn Viettel như đã hứa, nên ông T5 đã trả lại Thu số tiền 10.000.000 đồng. Sau đó, ông L có hứa xin cho chị H1 làm tại Trung tâm thông tin Thành ủy H và tại Huyện ủy S, nên T đã đưa cho ông L số tiền 30.000.000 đồng. Việc đưa tiền cho ông L không có giấy tờ, không có người làm chứng. Tuy nhiên, ông L không xin được việc như đã hứa. Thu xác nhận thời điểm năm 2014, Thu sử dụng số điện thoại I để liên lạc với ông H2.Việc nhận tiền và hứa xin việc cho chị H1 là do tin tưởng vào ông T5 và ông L.

Cơ quan điều tra đã cho Nguyễn Phong T xem nội dung trích dẫn file ghi âm do ông Nguyễn Văn H2 giao nộp: T xác nhận nội dung trích dẫn ghi âm là

đúng. T trình bày trong nội dung trao đổi với ông H2, T có nhắc đến ông N là Chủ tịch UBND huyện S là do ông L kể với T đã làm việc với ông N để xin cho H1 vào làm việc tại Huyện ủy S, bản thân H2 và T chưa từng làm việc trực tiếp với ông N.

Ngày 24/11/2016, Nguyễn Phong T tự nguyện giao nộp số tiền 90.000.000 đồng cho Cơ quan điều tra Công an quận TH để trả lại cho chị Dương Thị H1.

Kết quả xác minh tại Huyện ủy S xác định: Thời điểm năm 2014 - 2015, Huyện ủy S không tuyển dụng cán bộ công chức, viên chức; không tiếp nhận hồ sơ của chị Dương Thị H1.

**Chị Dương Thị H1 khai**: Toàn bộ việc giao dịch, trao đổi xin việc cho chị do ông Nguyễn Văn H2 trực tiếp trao đổi, thống nhất với Nguyễn Phong T, rồi báo cho gia đình chị H1 thực hiện. Số tiền đưa cho T là tiền của chị. Ngày 23/12/2016, chị đã được Cơ quan điều tra Công an quận Tây Hồ trao trả cho chị H1 số tiền 90.000.000 đồng. Chị H1 đã nhận đủ số tiền trên, không yêu cầu bồi thường dân sự và có đơn đơn xin rút đơn tố cáo, đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho Nguyễn Phong T và những người có liên quan.

**Ông Nguyễn Văn H2 khai**: Ông H2 khai nhận nội dung như trên. Ngoài ra, ông H2 khai quá trình giao dịch, ông H2 sử dụng số điện thoại F để liên lạc với T qua số điện thoại O. Cơ quan điều tra đã kiểm tra, trích xuất thông tin tại điện thoại di động Nokia 1280, số điện thoại R của ông Nguyễn Văn H2. Kết quả trích xuất nội dung tin nhắn giữa số điện thoại của ông H2 và số điện thoại của T có nội dung phù hợp với nội dung trình báo. Ông H2 đã giao nộp cho cơ quan điều tra 01 (Một) USB chứa các file ghi âm các cuộc gọi điện thoại giữa ông H2 và T từ ngày 3/10/2014 đến ngày 9/11/2015, kèm theo văn bản trích dẫn nội dung ghi âm. Hiện ông H2 không còn lưu giữ điện thoại di động Nokia 1280, số điện thoại O và điện thoại sử dụng để ghi âm cuộc gọi với T; không còn lưu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ việc.

**Ông Lê Huy T5 khai**: Khoảng năm 2014, thông qua ông Vũ Hồng T6, sinh năm 1963, ông không rõ địa chỉ cụ thể, chỉ biết ông T6 quê ở NB nên có biết Nguyễn Phong T, T có nhờ ông xin việc cho người quen của T vào làm việc ở Tập đoàn Viettel. Ngày 22/8/2014, Thu chuyển cho ông số tiền 10.000.000 đồng đến tài khoản số Z mang tên Lê Huy T5, mở tại Ngân hàng Z, mục đích nhờ ông T5 cảm ơn các lãnh đạo sau khi xin được việc. Khoảng 02 ngày sau, tại 01 quán nước (không rõ địa chỉ) trên đường PNT, phường K, quận ĐĐ, thành phố H, ông

T5 đã từ chối xin việc cho người nhà T và đã trả lại T số tiền 10.000.000 đồng. Việc thỏa thuận thì chỉ trao đổi miệng, không lập văn bản. Việc trả tiền không có giấy tờ gì nhưng có ông Vũ Hồng T6 chứng kiến. Ông Lê Huy T5 không còn lưu giữ giấy tờ, tài liệu gì liên quan đến vụ việc. Do vậy, cơ quan điều tra không xử lý ông Lê Huy T5.

- **Ông Chu Ngọc T4 khai**: ông không biết việc Nguyễn Phong T hứa xin việc và nhận tiền của chị Dương Thị H1. Năm 2014, ông có vay của Nguyễn Phong T số tiền 50.000.000 đồng nhưng không biết nguồn gốc số tiền vay. Ông T4 đã trả lại toàn bộ số tiền trên cho T. Do vậy, cơ quan điều tra không xử lý ông Chu Ngọc T4.

Đối với người chứng kiến là ông Vũ Hồng T6: do ông Lê Huy T5 không cung cấp được địa chỉ. Do đó, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh đối với ông Vũ Hồng T6.

- **Đối với ông Trần Phi L**: Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh và xác định: Trước tháng 8/2015, ông Trần Phi L là nhân viên Trung tâm Công nghệ thông tin Thành uỷ H. Tháng 8/2015, ông L được điều động về công tác tại Công ty TNHH MTV in báo HM (quận HK, H).Tháng 6/2016, Công ty TNHH MTV in báo HM đã ra quyết định buộc thôi việc đối với ông . Cơ quan điều tra đã triệu tập ông nhưng ông L không có mặt. Kết quả xác minh tại Công an phường Q xác định: Ông L đã chuyển về sinh sống tại địa chỉ: HHT, phường VP, BĐ, H. Công an phường VP xác nhận: ông L có sinh sống tại địa chỉ: HHT, phường VP, BĐ, H. Đến năm 2014, ông L đã chuyển đi nơi khác nhưng không biết ông L đang sinh sống ở đâu. Ông Trần Khắc M1 (là bố đẻ ông L) cung cấp: Từ năm 2021, ông Trần Phi L đã không sinh sống cùng gia đình và ông không biết ông L ở đâu. Cơ quan điều tra đã có văn bản đề nghị Công ty cổ phần viễn thông Di động Vietnamobile cung cấp thông tin số điện thoại W và đã ra Thông báo truy tìm đối với ông Trần Phi L nhưng chưa nhận được kết quả. Ngày 8/02/2025, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan đến ông Trần Phi L để tiếp tục điều tra theo quy định của pháp luật.

Bản cáo trạng số 20/CT - VKSTH ngày 27 tháng 02 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ đã truy tố bị cáo Nguyễn Phong T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội theo đúng nội dung cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Phong T đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự. Sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 174; Điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí tòa án.

Về hình phạt: đề nghị xử phạt Nguyễn Phong T từ 24 tháng đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Chị H1 đã nhận đủ số tiền 90.000.000 đồng và không có yêu cầu gì, nên không giải quyết.

Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

*Tóm tắt ý kiến của Người bào chữa cho bị cáo:*

*-Luật sư Nguyễn Quang T2:* Không có ý kiến gì về tội danh và các điều luật của Kiểm sát viên.

+ Về nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội: Bị cáo hứa xin việc cho bị hại vì tự tin vào khả năng xin việc của mình và đã không kiểm tra tính xác thực của thông tin. Thực tế, bị cáo cũng đã chuyển cho ông T4 một số tiền để xin việc cho bị hại.

+Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo đã tự nguyện khắc phục toàn bộ hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác; nhân tân chưa có tiền án tiền sự; gia đình bị cáo có công với cách mạng; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54, Điều 36 Bộ luật hình sự, cho bị cáo được cải tạo không giam giữ trong thời hạn 01 năm.

- *Luật sư Nguyễn Đức C1*: nhất trí với ý kiến của luật sư Nguyễn Quang T2. Ngoài ra bổ sung: bị hại có đơn xin giảm nhẹ cho cho bị cáo.Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo không tranh luận; nói lời sau cùng: bị cáo biết mình sai, vi phạm pháp luật và xin giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng*: trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an quận Tây Hồ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai báo và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

-Về việc vắng mặt của bị hại: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị hại đến tham gia phiên tòa nhưng bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy, bị hại đã có lời khai đầy đủ, việc họ vắng mặt không ảnh hưởng tời việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị hại theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự và đề xuất của Kiểm sát viên.

[2] *Về hành vi và tội danh của bị cáo*: Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; Biên bản kiểm tra điện thoại; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; Nội dung ghi âm cuộc gọi; Lời khai của bị hại; Lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ và nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2014 đến tháng 9 năm 2014, Nguyễn Phong T không có chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền tuyển dụng cán bộ, công chức; không có khả năng xin việc cho chị H1 vào làm việc tại Tập đoàn Viettel - Chi nhánh S. Lợi dụng sự tin tưởng của gia đình chị H1, Nguyễn Phong T đã dùng thủ đoạn gian dối là tự nhận có khả năng xin việc cho chị H1 vào làm việc tại Tập đoàn Viettel - Chi nhánh S để chiếm đoạt số tiền 90.000.000 đồng của chị H1.

Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999 (nay là điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Viện kiểm sát nhân dân quận TH, thành phố H đã đưa ra các chứng cứ buộc tội và truy tố bị cáo Nguyễn Phong T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội*: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo đã cố ý xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được Bộ luật Hình sự bảo vệ và gây mất trật tự, an toàn xã hội.

[4]*Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5]*Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Bị cáo đã tự nguyện khắc phục toàn bộ hậu quả. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác: Năm 2001, bị cáo được Ban chấp hành trưng ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tặng "Bằng khen có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi năm 2000"; Năm 2002, bị cáo được Ban chấp hành trưng ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tặng "Bằng khen có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi năm 2001"; Năm 2003, bị cáo được Ban chấp hành trưng ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tặng "Bằng khen có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi năm 2002"; Năm 2013, bị cáo được Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông tặng "Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác giai đoạn 2011-2012"; Năm 2015, 2016, 2018, 2020, bị cáo được Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông tặng Giấy khen đã hoàn thành tốt nghiệm vụ công tác năm; Năm 2021, bị cáo được Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông tặng "Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác giai đoạn 2019-2020"; Năm 2024, bị cáo được tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở và nhiều lần được tặng danh hiệu Lao động tiên tiến. Nhân thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự. Gia đình bị cáo có công với cách mạng. Bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú rõ ràng. Đối chiếu với quy định tại Văn bản hợp nhất số 02/VBHN - TANDTC ngày 07/9/2022 về Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ Luật hình sự về án treo của Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có đủ điều kiện cho cải tạo ngoài xã hội theo hướng dẫn tại Nghị quyết nêu trên. Do đó, không nhất thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cho bị cáo hưởng án treo theo Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là thể hiện chính sách pháp luật hình sự nhân đạo của Nhà nước, giúp họ yên tâm cải tạo, trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[6] *Về trách nhiệm dân sự*: Ngày 24/11/2016, bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền 90.000.000 đồng cho Cơ quan điều tra - Công an quận Tây Hồ để trả

lại cho chị Dương Thị H1. Ngày 23/12/2016, chị H1 đã nhận lại toàn bộ số tiền trên và không có yêu cầu về dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] *Về vật chứng*: Không có, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[8] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[10] Đối với ông Lê Huy T5: T có nhờ ông T5 xin việc cho người quen của T vào làm việc ở Tập đoàn Viettel và đã chuyển cho ông T4 số tiền 10.000.000 đồng. 02 ngày sau, ông T5 đã từ chối xin việc cho người nhà T và đã trả lại T toàn bộ số tiền 10.000.000 đồng, nên cơ quan điều tra không xử lý ông Lê Huy T5 là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để giải quyết.

[11] Đối với ông Chu Ngọc T4: ông T4 và T đều có lời khai thống nhất thể hiện, ông T3 có vay số tiền 50.000.000 đồng của T và đã trả hết. Ông T4 không biết nguồn gốc số tiền của Thu cho vay. Thu khẳng định số tiền cho ông Trung vay không phải là tiền của chị H1. Do đó, cơ quan điều tra không xử lý ông Trung là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để giải quyết.

[14] Đối với ông Trần Phi L: Cơ quan điều tra đã nhiều lần triệu tập ông L đến cơ quan điều tra để làm việc, nhưng ông L đều vắng mặt. Kết quả xác minh tại Công an phường Q, Công an phường VP và gia đình ông L đều xác định không biết ông Lương đang ở đâu. Cơ quan điều tra đã có văn bản đề nghị Công ty cổ phần viễn thông Di động Vietnamobile cung cấp thông tin số điện thoại X và đã ra Thông báo truy tìm đối với ông Trần Phi L nhưng chưa nhận được kết quả. Do đó, Ngày 8/02/2025, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan đến ông Trần Phi L để tiếp tục điều tra theo quy định của pháp luật. Do đó, kiến nghị Cơ quan điều tra Công an thành phố H tiếp tục điều tra, xem xét, xử lý đối với ông L để tránh bỏ lọt tội phạm.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

**1.Về tội danh và hình phạt:** Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999 (nay là điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Nguyễn Phong T 24 (hai mươi tư) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Phong T cho UBND xã TD, huyện S, thành phố H để giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

*Trong trường hợp, người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự.*

*Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

**2. Về án phí**: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Phong T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**3. Về quyền kháng cáo:** Căn cứ Điều 331, Điều 333 bộ luật Tố tụng Hình sự 2015.

Án xử công khai sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
- *TAND TP Hà Hội;*
- *Công an Q.Tây Hồ;*
- *Viện kiểm sát ND Q.Tây Hồ;*
- *Chi cục THA DS Q. Tây Hồ;*
- *Thi hành án hình sự;*
- *Chi bộ Văn phòng Thông tin và Truyền Thông;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu VP;*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

***Nguyễn Thị Giang***